

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGỮ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 29

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	V K 0673	Nguyễn Hà Quỳnh	Như	28/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	9.1			x		7.50	5.25	4.80	
2	V S 0674	La Quỳnh	Như	21/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Ngữ văn	8.9	Sinh học	8.7	x	x	7.50	7.25	6.30	
3	C D 0675	Trần Thị Quỳnh	Như	31/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tin học	7.7	Địa lí	8.1	x		7.25	7.25	5.40	
4	T C 0676	Vũ Thị Quỳnh	Như	01/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu - Đak Đoa	Toán	9.7	Tin học	9.5	x		8.50	10.00	6.30	
5	H A 0677	Phan Đặng Trang	Như	30/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	9.3	Tiếng Anh	8.7	x	x	8.00	5.00	4.90	
6	A K 0678	Vương Trịnh	Nhường	22/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	8.5			x		4.50	2.50	4.10	
7	T C 0679	Nguyễn Hoàng	Ny	26/08/2006	Nữ	Kinh	Kon Tum	Thị trấn Phú Hòa - Chư Păh	Toán	9.4	Tin học	9.2	x	x	6.00	8.25	5.60	
8	H V 0680	Võ Thị Kiều	Oanh	10/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.5	Ngữ văn	8.3	x	x	8.00	6.25	6.90	
9	D K 0681	Trần Thị Kim	Oanh	09/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Địa lí	9.4			x	x	7.25	4.00	4.40	
10	H S 0682	Võ Thị Kim	Oanh	11/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.8	Sinh học	9.8	x	x	7.50	9.00	6.20	
11	A V 0683	Trần Kim	Oanh	03/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	6.9	Ngữ văn	7.6	x	x	6.50	5.75	4.70	
12	S K 0684	Phùng Dương	Phát	07/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	8.8			x	x	6.25	5.50	3.60	
13	H K 0685	Nguyễn Tấn	Phát	22/12/2006	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Hóa học	9.8			x		5.75	8.00	6.60	
14	T C 0686	Trương Tấn	Phát	18/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Toán	9.2	Tin học	9.1	x		7.50	7.25	4.20	
15	V A 0687	Nguyễn Luân Thành	Phát	24/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	7.3	Tiếng Anh	7.5	x	x	6.75	1.00	3.30	
16	H A 0688	Nguyễn Tiến	Phát	20/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	8.8	Tiếng Anh	9.4	x		5.75	5.25	5.30	
17	H A 0689	Nguyễn Gia	Phong	08/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.6	Tiếng Anh	8.5	x	x	7.50	6.00	7.10	
18	H C 0690	Lâm Hải	Phong	09/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.5	Tin học	8.3	x		7.25	5.75	3.60	
19	L K 0691	Trương Lê Hùng	Phong	10/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Vật lí	8.9			x	x	5.75	6.25	6.20	
20	L K 0692	Nguyễn Hữu	Phong	12/02/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Thị trấn Phú Hòa - Chư Păh	Vật lí	9.3			x		7.25	8.25	3.70	
21	L K 0693	Văn Hữu	Phong	17/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Vật lí	9.7			x		6.50	6.25	5.20	
22	H A 0694	Vũ Mạnh	Phong	08/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.4	Tiếng Anh	8.8	x	x	5.75	9.25	7.80	
23	A K 0695	Điệp Thế	Phong	11/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.3			x	x	6.75	7.00	8.10	
24	T A 0696	Vũ Thế	Phong	01/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Thị trấn Phú Hòa - Chư Păh	Toán	9.8	Tiếng Anh	8.7	x	x	6.00	10.00	7.20	Nhi Toán

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phan Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

KT. GIÁM ĐỐC

Người nhập điểm: *Phan Văn Loan*

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Người soát điểm thứ nhất: *Phan Văn Loan*

Vũ Tiến Tùng

Bùi Khoa Nghi

Người soát điểm thứ hai: *Phan Văn Loan*

Vũ Tiến Tùng

Bùi Khoa Nghi



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 28

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A V 0649	Đặng Thục Nhi	08/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.1	Ngữ văn	8.2	x	x	6.00	6.25	6.60	
2	B V 0650	Trần Hồng Tuyết Nhi	25/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Lịch sử	9.2	Ngữ văn	7.3	x		5.50	4.25	2.60	
3	S K 0651	Cù Uyên Nhi	29/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	8.9			x		7.25	6.25	5.40	
4	V A 0652	Nguyễn Đào Uyên Nhi	11/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Mang Yang	Ngữ văn	8.7	Tiếng Anh	9.2			8.00	5.75	4.70	
5	A K 0653	Trần Lê Uyên Nhi	16/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x	x	9.00	7.00	9.40	Nhi Tiếng Anh
6	T C 0654	Dương Xuân Nhi	04/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Trãi - Chư Pưh	Toán	9.3	Tin học	8.2	x	x	7.50	9.50	7.10	KK Toán
7	V K 0655	Nguyễn Lê Yến Nhi	25/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Ngữ văn	7.8			x	x	6.00	2.00	2.60	
8	B K 0656	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	31/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Lịch sử	9.3			x	x	7.50	4.25	6.20	
9	H K 0657	Tôn Nữ Yến Nhi	08/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	8.6			x	x	5.50	3.50	2.30	
10	S T 0658	Lê Phạm Yến Nhi	17/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Ayun Pa	Sinh học	7.9	Toán	7.8	x	x	5.75	5.00	1.90	
11	A K 0659	Hoàng Thị Yến Nhi	30/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.5			x	x	5.58	6.00	7.20	
12	V K 0660	Võ Thị Yến Nhi	25/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Ngữ văn	8.8			x		7.00	5.00	2.20	
13	V K 0661	Đinh Vũ Yến Nhi	06/12/2006	Nữ	Mường	Thanh Hóa	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.0			x		6.66	3.25	5.00	
14	V K 0662	Nguyễn Hoàng Ý Nhi	30/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	9.0			x					
15	A T 0663	Phan Hồ An Nhiên	23/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Toán	9.6	x		7.75	6.00	7.70	
16	V K 0664	Trần Nguyễn An Nhiên	25/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.8			x	x	8.00	6.50	3.80	
17	A V 0665	Nguyễn Muội Nhiên	29/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.5	x		7.25	6.50	8.40	
18	V K 0666	Đinh Thế Nhơn	05/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.4			x		8.50	4.50	3.20	
19	C T 0667	Nguyễn Thiện Nhơn	10/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tin học	8.6	Toán	8.1	x	x	5.00	3.50	5.30	
20	H A 0668	Cao Nguyễn Ái Như	17/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.3	Tiếng Anh	8.5	x	x	6.25	4.50	3.90	
21	V D 0669	Nguyễn Khánh Như	28/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Ngữ văn	9.0	Địa lí	8.6	x	x	8.00	5.50	5.00	
22	S K 0670	Dương Nguyễn Ngọc Như	25/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Sinh học	9.7			x	x	5.25	6.50	5.20	
23	S K 0671	Bùi Quỳnh Như	26/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	9.2			x		5.00	2.50	2.40	
24	H K 0672	Dương Quỳnh Như	08/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Chư sê	Hóa học	9.6					8.25	6.75	3.90	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phan Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *Đỗ Trí Lê Đăng Hải*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *Le Văn Tuấn Quang*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Trí Lê Đăng Hải*

Võ Tiến Tùng



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 27

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	C K 0625	Phùng Khánh	Nhật	03/12/2005	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tin học	9.0			x					
2	B K 0626	Võ Quang	Nhật	18/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Chi Thanh - Chư Sê	Lịch sử	8.8			x		5.25	3.75	2.00	
3	V S 0627	Trần Thanh	Nhật	08/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Ngữ văn	8.4	Sinh học	8.5	x		8.00	5.75	4.90	
4	A K 0628	Trần Bảo Ngọc	Nhi	19/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x		6.00	3.75	5.10	
5	A H 0629	Đặng Châu	Nhi	26/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.8	Hóa học	9.9	x	x	8.88	7.50	9.20	
6	A K 0630	Phạm Đỗ Hạnh	Nhi	26/11/2006	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x	x	6.00	2.25	3.00	
7	A H 0631	Đặng Hoàng	Nhi	26/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Hóa học	10.0	x	x	7.83	7.00	9.60	
8	A V 0632	Lâm Hoàng	Nhi	13/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.0	Ngữ văn	8.1	x	x	7.25	1.25	5.70	
9	V C 0633	Nguyễn Hoàng	Nhi	24/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.6	Tin học	9.6	x		8.25	6.25	4.10	
10	H K 0634	Tần Thị Hoàng	Nhi	16/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Hóa học	9.5			x	x	8.50	6.50	5.20	
11	C K 0635	Phan Huyền	Nhi	10/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Chư Prông	Tin học	9.1			x	x	8.00	1.50	4.00	
12	V K 0636	Trần Khánh	Nhi	27/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Ngữ văn	9.3					7.75	5.50	3.10	
13	A K 0637	Nguyễn Phương	Nhi	19/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.4			x	x	8.50	7.50	8.00	
14	A K 0638	Trần Thái Phương	Nhi	19/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x	x	7.75	2.75	5.20	
15	H K 0639	Thái Thị Phương	Nhi	07/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Hóa học	9.7			x	x	7.75	6.25	5.40	
16	B K 0640	Nguyễn Lưu Quyền	Nhi	25/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Lịch sử	8.0			x		8.00	6.00	6.30	
17	A K 0641	Nguyễn Thủy Quý	Nhi	31/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	7.9			x		7.50	3.25	4.30	
18	C K 0642	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	10/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu - IaGra	Tin học	8.1			x		7.50	7.25	5.50	
19	A K 0643	Bùi Lê Thảo	Nhi	15/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.8			x	x	8.00	7.00	9.70	Ba Tiếng Anh
20	A V 0644	Ngô Lê Thảo	Nhi	23/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	8.0	Ngữ văn	8.6	x	x	7.00	4.25	5.30	
21	V K 0645	Nguyễn Thảo	Nhi	27/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Ngữ văn	8.0			x	x	6.50	5.25	3.00	
22	V K 0646	Nguyễn Phạm Thảo	Nhi	25/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.3			x	x	6.75	2.50	3.60	
23	T C 0647	Đỗ Thị Thảo	Nhi	07/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.5	Tin học	9.1	x	x	7.25	7.00	5.80	
24	V K 0648	Nguyễn Ngọc Thủy	Nhi	23/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.1			x		7.25	3.00	3.20	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phạm Văn Yên* *Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

KT. GIÁM ĐỐC

Người nhập điểm: *Phạm Văn Yên* *Đặng Hải*

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Người soát điểm thứ nhất: *Phạm Văn Yên* *Đặng Hải*

Phạm Văn Yên

Phạm Văn Yên

Người soát điểm thứ hai: *Trần Bảo Ngọc*

Võ Tiến Tùng

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 26

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	B K 0601	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyên	05/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	8.8			x	8.00	4.75	5.80	
2	B K 0602	Trần Thanh Thảo	Nguyên	05/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Lịch sử	8.9			x	6.50	2.25	2.50	
3	B K 0603	Bùi Thị Thảo	Nguyên	23/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Lịch sử	8.5			x	7.25	2.50	3.70	
4	A K 0604	Trần Thảo	Nguyên	26/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	8.50	4.75	7.40	
5	L S 0605	Trương Thảo	Nguyên	13/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Quốc Tuấn - Đak Pơ	Vật lý	9.6	Sinh học	9.8	x	7.00	8.75	7.40	Nhi Sinh học
6	V A 0606	Trịnh Võ Thảo	Nguyên	17/09/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.4	Tiếng Anh	8.4	x	8.50	5.50	6.80	
7	B V 0607	Hoàng Vũ	Nguyên	24/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Lịch sử	9.6	Ngữ văn	8.9	x	7.75	2.50	4.60	
8	V K 0608	Phùng Thị Hải	Nguyệt	02/06/2006	Nữ	Tày	Thanh Hóa	Lê Duẩn - Chư Sê	Ngữ văn	9.1			x	7.75	3.75	2.00	KK Ngữ văn
9	S K 0609	Vương Thị Hồng	Nguyệt	18/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Sinh học	9.3			x	7.25	5.50	3.60	
10	H A 0610	Nguyễn Như	Nguyệt	05/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Hóa học	9.4	Tiếng Anh	8.0	x	7.00	7.75	6.30	
11	H K 0611	Nguyễn Phúc Thu	Nguyệt	24/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.2			x	8.00	8.00	5.20	
12	S K 0612	Lê Thanh	Nhân	25/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Sinh học	9.4			x	6.25	5.25	5.10	
13	D K 0613	Phan Thanh	Nhân	28/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Địa lý	9.0			x	8.00	2.75	2.90	
14	A K 0614	Tăng Thị Phương	Nhã	20/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.2			x	8.50	6.25	7.80	
15	V K 0615	Lê Hà Thanh	Nhã	23/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.7			x	8.00	7.75	5.90	
16	L K 0616	Trịnh Phạm Anh	Nhân	19/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật lý	8.5			x	5.50	6.50	3.30	
17	T C 0617	Nguyễn Đức	Nhân	12/08/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Lý Tự Trọng - Pleiku	Toán	9.5	Tin học	9.4	x	6.00	7.75	4.50	
18	C K 0618	Dương Minh	Nhân	21/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tin học	8.0			x	3.75	5.25	4.50	
19	T A 0619	Đặng Minh	Nhân	27/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Toán	9.7	Tiếng Anh	9.2	x				
20	L K 0620	Trịnh Phạm Minh	Nhân	19/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật lý	9.2			x	6.75	7.50	5.80	
21	A V 0621	Nguyễn Ngọc	Nhân	23/09/2006	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.0	x	5.50	2.75	3.70	
22	A K 0622	Nguyễn Đức Thiện	Nhân	31/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	7.50	5.75	9.00	
23	A L 0623	Nguyễn Duy	Nhất	02/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.3	Vật lý	9.0	x	7.50	7.50	9.30	
24	A D 0624		Nhật	22/06/2006	Nam	Jrai	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.2	Địa lý	8.0	x	5.00	2.25	3.80	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *Đỗ Thị Lệ Dung*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *Đỗ Thị Ngọc Quyên*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Thị Bạch Tuyết*

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	D K 0577	Nguyễn Yến Ngọc	01/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Địa lí	9.3			x	x	6.25	3.25	4.30	
2	C T 0578	Nguyễn Bình Nguyên	03/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tin học	9.2	Toán	8.9	x	x	7.25	5.75	4.60	
3	V B 0579	Lê Cao Nguyên	22/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.0	Lịch sử	9.1	x		7.25	3.00	2.50	
4	T L 0580	Võ Cao Nguyên	07/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương - IaGrai	Toán	9.9	Vật lí	9.7		x	6.50	9.75	4.40	
5	H K 0581	Cao Trần Cẩm Nguyên	29/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.5			x	x	6.75	7.00	5.30	
6	L K 0582	Lê Đình Nguyên	23/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	9.6			x		7.00	9.00	6.10	
7	C K 0583	Nguyễn Thế Gia Nguyên	04/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tin học	9.7			x	x	5.00	2.50	3.00	
8	T C 0584	Phạm Hồng Nguyên	13/06/2006	Nữ	Kinh	Kon Tum	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.3	Tin học	7.8	x		3.00	5.25	5.10	
9	H K 0585	Nguyễn Hữu Nguyên	01/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.2			x	x	6.00	6.25	5.50	
10	H V 0586	Cao Nguyễn Khánh Nguyên	30/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	9.4	Ngữ văn	8.7	x		8.00	6.00	5.80	
11	T C 0587	Nguyễn Khôi Nguyên	08/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Toán	9.3	Tin học	9.1	x		7.00	6.25	3.30	
12	D K 0588	Tạ Nguyễn Khôi Nguyên	30/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Địa lí	8.1			x		6.25	3.25	3.70	
13	H C 0589	Võ Đặng Minh Nguyên	27/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	8.8	Tin học	8.5	x	x	6.25	7.75	3.70	
14	C L 0590	Phạm Minh Nguyên	17/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tin học	8.9	Vật lí	8.7	x		7.25	5.00	3.40	
15	H C 0591	Huỳnh Anh Nhật Nguyên	18/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương - Pleiku	Hóa học	9.1	Tin học	9.5	x		8.00	7.50	5.90	
16	T C 0592	Nguyễn Huỳnh Nhật Nguyên	07/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.3	Tin học	9.4	x		6.50	8.50	4.50	
17	A K 0593	Trương Nhị Nguyên	29/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.1			x	x	8.75	6.50	6.00	
18	S K 0594	Cao Trần Phương Nguyên	18/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Sinh học	9.9			x		6.50	6.25	4.10	
19	T C 0595	Phạm Nguyễn Sỹ Nguyên	29/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.1	Tin học	8.8	x	x	6.50	9.50	4.90	
20	D V 0596	Hoàng Thảo Nguyên	07/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Địa lí	9.2	Ngữ văn	8.4	x	x	6.50	3.75	5.40	
21	V A 0597	Đỗ Hoàng Thảo Nguyên	12/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.5	Tiếng Anh	9.2	x	x	8.50	6.00	7.80	
22	A H 0598	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	17/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.5	Hóa học	9.2	x	x	6.50	7.75	8.10	
23	V B 0599	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	15/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.5	Lịch sử	8.8	x	x	7.25	2.25	4.10	
24	T C 0600	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	07/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Toán	9.2	Tin học	9.4	x		7.00	9.50	5.80	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: Phạm Văn Luận

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

KT. GIÁM ĐỐC

Người nhập điểm: Đỗ Văn Dũng

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Người soát điểm thứ nhất: Đỗ Văn Dũng

Người soát điểm thứ hai: Đỗ Văn Dũng

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Bùi Khoa Nghi

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 24

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A V 0553	Nguyễn Xuân Nghi	23/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	8.5	Ngữ Văn	8.1	x	x	6.50	5.00	7.50	
2	L C 0554	Lê Đại Nghĩa	30/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Vật lí	9.2	Tin học	9.3	x	x	8.00	6.50	6.00	
3	A B 0555	Tô Lê Nghĩa	11/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.3	Lịch sử	9.1	x	x	6.00	6.50	7.10	
4	S H 0556	Đinh Huyền Bảo Ngọc	11/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Sinh học	9.4	Hóa học	9.8	x	x	7.50	6.75	7.20	KK Sinh
5	T A 0557	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	09/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Toán	9.3	Tiếng Anh	8.9	x	x	7.50	9.00	8.00	
6	A V 0558	Nguyễn Bảo Ngọc	19/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.3	x	x	7.25	4.75	7.70	
7	A V 0559	Nguyễn Bảo Ngọc	05/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	9.2	x	x	8.75	7.25	8.90	
8	A H 0560	Trần Cao Bích Ngọc	21/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Hóa học	8.3	x		6.00	6.50	4.80	
9	T C 0561	Đinh Hoàng Bích Ngọc	09/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Toán	9.9	Tin học	9.9		x	7.00	10.00	6.40	
10	A V 0562	Đoàn Gia Bội Ngọc	29/08/2006	Nữ	Ê đê	Gia Lai	APC - Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	7.5	x	x	6.75	3.75	6.50	
11	A D 0563	Đặng Hồng Ngọc	19/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Địa lí	8.9	x		7.75	4.50	6.80	
12	D K 0564	Bùi Lê Hồng Ngọc	07/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Địa lí	9.3			x		6.75	5.50	4.40	
13	S K 0565	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	16/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Sinh học	9.3			x		8.75	6.75	5.80	
14	T K 0566	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	06/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Toán	10.0			x		7.50	10.00	6.40	
15	V K 0567	Thái Thị Hồng Ngọc	31/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Ngữ văn	7.6			x		6.75	5.50	4.10	
16	S B 0568	Trần Huệ Ngọc	14/03/2006	Nữ	Hoa	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	8.6	Lịch sử	8.7	x		7.25	5.50	4.50	
17	C T 0569	Nguyễn Hữu Ngọc	22/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tin học	8.5	Toán	9.5	x		6.25	9.50	4.50	
18	V K 0570	Thái Hoàng Khánh Ngọc	26/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.9			x	x	8.50	3.25	5.60	
19	V A 0571	Đào Lê Khánh Ngọc	14/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.3	Tiếng Anh	8.5	x	x	6.00	4.50	6.20	
20	T A 0572	Hoàng Lê Khánh Ngọc	06/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.6	Tiếng Anh	9.7	x	x	8.00	10.00	8.90	
21	D V 0573	Đinh Lê Minh Ngọc	02/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Địa lí	9.3	Ngữ văn	8.8	x	x	8.16	5.00	7.20	KK Địa lí
22	T A 0574	Nguyễn Thị Như Ngọc	17/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.3	Tiếng Anh	9.6	x		9.00	6.50	6.80	
23	V K 0575	Trần Hoàng Yến Ngọc	15/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Ngữ văn	8.9			x	x	8.33	3.00	5.30	
24	A V 0576	Hồ Yến Ngọc	16/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	8.5	x	x	6.75	8.00	7.10	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phan Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *Đoàn Lê Đình Hải*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *Trần Thị Ngọc Phương*

Người soát điểm thứ hai: *Đoàn Lê Đình Hải*

Võ Tiến Tùng

Võ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 23

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	S K 0529	Nguyễn Hồ Bảo Ngân	30/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám - Pleiku	Sinh học	9.5			x		5.50	5.25	3.60	
2	V K 0530	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	13/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.7			x	x	6.00	6.00	4.00	
3	S V 0531	Võ Phạm Bảo Ngân	08/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	TT Phú Hòa - Chư Păh	Sinh học	9.7	Ngữ văn	7.8	x		6.25	5.00	3.00	
4	V K 0532	Lê Thị Hiếu Ngân	30/04/2006	Nữ	Kinh	Kon Tum	Lý Tự Trọng - Pleiku	Ngữ văn	9.1			x		8.50	6.25	5.40	
5	V A 0533	Trương Hoài Ngân	25/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	9.1	Tiếng Anh	9.7	x		8.25	5.00	5.30	
6	V D 0534	Đinh Khánh Ngân	03/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.0	Địa lí	8.3	x	x	6.25	5.00	3.70	
7	A V 0535	Nguyễn Thị Kim Ngân	02/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung - Kông Chro	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	7.9	x	x	7.00	5.00	8.30	KK Tiếng Anh
8	D K 0536	Huỳnh Thị Ngọc Ngân	01/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Địa lí	7.8			x	x	7.25	4.50	4.20	
9	A K 0537	Bùi Huỳnh Thanh Ngân	20/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Trãi - Chư Puh	Tiếng Anh	9.5			x	x	7.25	6.25	8.20	KK Tiếng Anh
10	A H 0538	Hoàng Thị Thanh Ngân	22/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu - Đăk Đoa	Tiếng Anh	9.4	Hóa học	8.9	x		7.75	5.25	6.80	
11	V K 0539	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Ngữ văn	9.0			x		8.00	4.50	5.10	
12	V K 0540	Trần Thanh Ngân	28/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám - Pleiku	Ngữ văn	9.2					8.00	5.50	4.60	
13	A D 0541	Trần Kiều Thảo Ngân	12/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Địa lí	8.7	x	x	6.75	6.50	4.80	
14	A T 0542	Võ Thị Thảo Ngân	12/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Toán	9.0	x	x	8.00	8.25	6.10	
15	V K 0543	Lê Vi Thảo Ngân	01/11/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Trung Vương - Pleiku	Ngữ văn	9.2			x		8.25	6.50	6.20	
16	T C 0544	Bùi Thiên Ngân	22/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.6	Tin học	7.9	x	x	7.25	8.75	6.80	
17	A V 0545	Trần Thu Ngân	20/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.8	Ngữ văn	8.6	x	x	7.75	6.25	7.40	
18	A K 0546	Lê Phạm Bảo Nghi	06/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x		7.00	5.50	7.60	
19	A V 0547	Phạm Bình Nghi	05/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.4	Ngữ văn	7.8	x	x	8.00	3.75	3.80	
20	V K 0548	Liêu Gia Nghi	13/11/2005	Nữ	Hoa	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.0			x	x	7.25	2.75	5.70	
21	B K 0549	Nguyễn Ngọc Gia Nghi	26/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Lịch sử	6.4			x		3.25	0.25	1.40	
22	A K 0550	Nguyễn Phụng Nghi	23/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Tiếng Anh	9.6			x		5.75	3.25	6.50	
23	A K 0551	Huỳnh Phương Nghi	28/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x	x	8.50	6.50	6.20	
24	A V 0552	Lê Phương Nghi	22/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.9	x	x	8.25	7.50	8.50	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

KT. GIÁM ĐỐC

Người nhập điểm: *Đỗ Thị Bích Ngọc*

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Người soát điểm thứ nhất: *Đỗ Thị Bích Ngọc*

Vũ Tiến Tùng



Bùi Khoa Nghi

Vũ Tiến Tùng

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 22

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A V 0505	Ngô Thị Trà My	12/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.8	x	x	8.25	7.00	8.00	
2	H V 0506	Lê Trần Trà My	10/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Hóa học	9.2	Ngữ văn	9.1	x	x	8.00	5.50	5.20	
3	V C 0507	Nguyễn Hoàng Mỹ	01/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.3	Tin học	8.6	x	x	7.00	6.25	4.20	
4	V K 0508	Đặng Lê Na	25/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Ngữ văn	9.1			x		8.25	5.50	4.80	Ba Ngữ văn
5	S K 0509	Trần Minh Ly	29/10/2006	Nữ	Kinh	Kon Tum	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Sinh học	8.3			x		7.50	4.75	5.60	
6	T C 0510	Trần Nguyễn Ly	02/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	8.1	x		7.00	5.50	5.00	
7	S H 0511	Dương Thị Ly	31/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Sinh học	9.1	Hóa học	9.2	x	x	8.50	8.25	6.00	
8	S K 0512	Nguyễn Ngô My	05/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	9.9			x	x	8.00	6.67	6.40	
9	T C 0513	Nguyễn Đức Nam	05/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Toán	8.5	Tin học	9.4	x		6.50	5.50	4.50	
10	T C 0514	Nguyễn Hải Nam	09/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Toán	9.4	Tin học	9.2	x		7.25	6.25	4.30	
11	L C 0515	Nguyễn Hoài Nam	20/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	8.2	Tin học	7.1	x		7.25	6.00	4.50	
12	T C 0516	Đặng Nhật Nam	10/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương - Pleiku	Toán	9.6	Tin học	8.5	x		7.25	9.00	8.00	
13	T C 0517	Nguyễn Nhật Nam	26/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Toán	8.4	Tin học	9.1	x	x	6.50	5.75	2.90	
14	H C 0518	Nguyễn Quốc Nam	10/12/2005	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	8.9	Tin học	8.5	x	x	7.25	5.50	3.60	
15	C K 0519	Nguyễn Quốc Nam	22/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tin học	9.0			x	x	6.25	5.75	5.60	
16	S K 0520	Đặng Văn Nam	30/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Sinh học	9.1			x		7.00	6.25	4.40	
17	V K 0521	Dư Huyền Nga	15/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Ngữ văn	9.0			x		7.00	1.50	2.90	
18	B K 0522	Bạch Thị Huyền Nga	26/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Lịch sử	9.2			x		7.75	6.25	4.80	
19	A V 0523	Đậu Minh Nga	16/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	9.1	x	x	7.75	8.00	9.80	
20	H V 0524	Trần Phương Nga	18/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.7	Ngữ văn	7.8	x	x	6.25	6.00	5.40	
21	T H 0525	Nguyễn Thanh Nga	28/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Toán	9.3	Hóa học	9.0	x		8.00	9.00	6.90	
22	A V 0526	Nguyễn Thị Thanh Nga	08/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.7	x	x	8.50	8.25	9.40	Nhất Tiếng Anh
23	T C 0527	Phạm Thu Nga	04/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung - Kông Chro	Toán	9.5	Tin học	9.3	x	x	8.00	9.75	7.00	
24	H C 0528	Nguyễn Hoàng Ánh Ngân	05/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.8	Tin học	9.0	x	x	8.25	8.75	6.30	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

Người nhập điểm: *Trần Văn Dũng*

Người soát điểm thứ nhất: *Nguyễn Văn Thanh*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Thị Bích Tuyết*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Khoa Nghi

Bùi Khoa Nghi



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 21

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A K 0481	Nguyễn Bình Minh	04/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.2			x		5.50	3.25	5.10	
2	A K 0482	Nguyễn Đức Minh	19/11/2006	Nam	Kinh	Thái Bình	Nguyễn Tất Thành - Kon Tum	Tiếng Anh	9.3			x	x	7.50	7.00	8.70	Ba Tiếng Anh
3	V K 0483	Nguyễn Thị Ngọc Minh	11/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.8			x	x	7.25	5.25	4.20	
4	A K 0484	Trần Ngọc Minh	16/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x	x	7.50	9.25	9.20	
5	A K 0485	Lê Nguyễn Minh	05/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.5			x		6.50	5.75	6.90	
6	V K 0486	Phạm Nữ Nguyệt Minh	26/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.6			x	x	6.50	6.75	4.00	
7	H K 0487	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	10/05/2006	Nữ	Kinh	Kon Tum	Trung Vương - Pleiku	Hóa học	9.2			x	x	7.25	5.75	4.60	
8	C K 0488	Nguyễn Lê Nhật Minh	19/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tin học	9.4			x	x	6.00	4.75	4.40	
9	A L 0489	Nguyễn Nhật Minh	21/03/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Vật lí	8.7	x		5.83	4.25	6.20	
10	B C 0490	Đình Quang Minh	30/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Lịch sử	8.6	Tin học	8.5	x	x	5.83	7.00	4.70	
11	L K 0491	Lê Quang Minh	04/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Vật lí	9.7			x		7.25	5.75	4.30	
12	L A 0492	Nguyễn Lê Quang Minh	20/12/2006	Nam	Kinh	Hồ Chí Minh	Trung Vương - Pleiku	Vật lí	8.3	Tiếng Anh	8.3	x	x	7.25	4.00	4.20	
13	H C 0493	Phùng Quang Minh	22/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.3	Tin học	9.2	x	x	6.25	4.75	5.00	
14	H K 0494	Hà Tuấn Minh	02/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Hóa học	9.9			x		7.50	7.00	6.90	
15	D C 0495	Trần Ngọc Tuệ Minh	30/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Địa lí	9.8	Tin học	7.6	x		6.25	3.50	3.00	
16	D K 0496	Phạm Trà Bảo My	16/11/2006	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	Nguyễn Du - Pleiku	Địa lí	9.2			x		7.50	4.50	3.70	
17	L A 0497	Nguyễn Thị Diệu My	15/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật lí	9.6	Tiếng Anh	9.6	x	x	7.25	8.75	7.70	
18	T C 0498	Nguyễn Hoàng My	21/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	9.2	x	x	8.00	9.75	7.40	
19	T H 0499	Hứa Nguyễn Hoàng My	28/10/2006	Nữ	Nùng	Gia Lai	Kổng Long Khong - KBang	Toán	9.3	Hóa học	9.1			5.25	3.25	2.30	
20	H K 0500	Trần Quỳnh My	15/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.3			x	x	3.25	6.00	3.50	
21	B S 0501	Bùi Thảo My	18/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Lịch sử	8.0	Sinh học	7.4	x		5.25	3.25	2.50	
22	A B 0502	Phạm Thảo My	31/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Lịch sử	9.4	x	x	7.50	3.75	7.70	
23	T C 0503	Nguyễn Trần Thảo My	06/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung - Kông Chro	Toán	8.6	Tin học	8.6	x	x	6.75	5.50	4.30	
24	V K 0504	Huỳnh Thị Trà My	06/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.8			x	x	8.00	3.50	3.30	

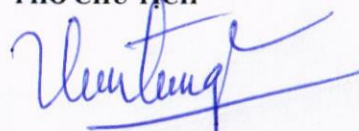
(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

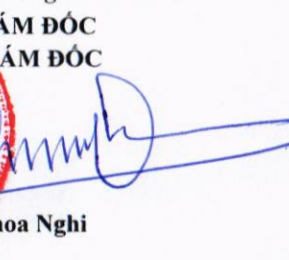
Người đọc điểm: Phạm Yên Loan
 Người nhập điểm: Đỗ Lê Dung Hải
 Người soát điểm thứ nhất: Trần Ngọc Nguyệt
 Người soát điểm thứ hai: Đỗ Thị Bích Tuyết

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tiến Tùng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 20

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	D V 0457	Lê Minh Long	06/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Địa lí	8.3	Ngữ văn	8.1	x		6.25	4.00	5.00	
2	B K 0458	Nguyễn Tiến Long	09/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Lịch sử	8.9			x	x	6.00	6.00	4.70	
3	A K 0459	Nguyễn Tấn Lộc	21/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x		8.50	7.75	9.60	
4	H C 0460	Nguyễn Thiên Lộc	02/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	8.2	Tin học	8.1	x		6.50	3.00	3.70	
5	T C 0461	Trần Xuân Lộc	10/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	9.5	x	x	8.00	9.50	8.00	
6	H K 0462	Phan Ngọc Lợi	20/08/2006	Nam	Kinh	Đak Lak	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	9.7					6.50	7.50	2.30	
7	A K 0463	Nguyễn Thành Lợi	26/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.0			x		6.00	4.00	7.00	
8	T C 0464	Nguyễn Bảo Luân	15/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	8.9	x		7.00	7.50	3.40	
9	L C 0465	Nguyễn Lương	30/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Vật lí	9.6	Tin học	9.6	x		6.25	10.00	6.50	Nhi Vật lí
10	L K 0466	Ngô Thị Cẩm Ly	05/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Vật lí	7.9			x		4.25	3.50	3.80	
11	A K 0467	Nguyễn Thị Phương Ly	18/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tiếng Anh	7.4			x	x	6.25	4.25	3.60	
12	V K 0468	Hồ Thảo Ly	28/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu - IaGrai	Ngữ văn	8.2			x		6.25	5.75	3.50	
13	T C 0469	Trần Phan Huyền Mai	22/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Toán	8.5	Tin học	9.8	x		7.91	6.00	5.00	
14	H K 0470	Nguyễn Hương Mai	02/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.0			x		7.50	5.75	3.40	
15	T C 0471	Phạm Ngọc Mai	05/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Toán	9.1	Tin học	9.1	x		6.58	8.25	3.80	
16	B V 0472	Lê Nguyễn Phương Mai	27/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	8.9	Ngữ văn	7.3	x	x	6.75	3.00	2.40	
17	T C 0473	Bùi Quỳnh Mai	11/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Toán	9.2	Tin học	9.2	x		8.00	8.75	6.00	
18	H A 0474	Nguyễn Thụy Yến Mai	10/12/2006	Nữ	Mường	Hà Nội	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Hóa học	8.6	Tiếng Anh	8.1	x	x	7.50	6.50	4.20	
19	H C 0475	Nguyễn Đức Mạnh	20/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Hóa học	8.1	Tin học	8.6	x	x	3.50	4.50	2.90	
20	L K 0476	Trương Đức Mạnh	01/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Vật lí	9.7			x		5.50	7.75	4.50	
21	T A 0477	Bùi Đoàn Quang Mạnh	16/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Toán	8.2	Tiếng Anh	8.6	x		4.50	3.25	3.80	
22	T K 0478	Nguyễn Quốc Mạnh	26/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - AyunPa	Toán	9.2					5.00	7.50	5.50	
23	L K 0479	Huỳnh Xuân Mạnh	07/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật lí	8.3			x		7.50	5.25	4.20	
24	C B 0480	Hồng Tuệ Mẫn	25/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tin học	7.3	Lịch sử	8.3	x		7.75	6.00	3.30	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm: *Phan Văn Loan*

Người nhập điểm: *Đào Thị Lệ Dung*

Người soát điểm thứ nhất: *Phạm Văn Tuấn*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Thị Bích Ngọc*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Ưng Hùng

Võ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 19																		
STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	V B 0433	Hà Trần Mai	Linh	12/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	7.7	Lịch sử	9.2	x	x	7.00	5.50	5.30	
2	A K 0434	Trịnh Thị Mỹ	Linh	31/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x		5.00	4.75		
3	A K 0435	Lương Ngọc	Linh	01/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	x	6.00	6.50	6.90	
4	A V 0436	Đỗ Thị Ngọc	Linh	01/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Mang Yang	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	7.9	x		7.00	6.50	6.80	
5	C T 0437	Trần Thị Ngọc	Linh	11/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Tin học	9.3	Toán	9.5	x		7.00	8.25	4.00	
6	A V 0438	Đỗ Phương	Linh	25/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tiếng Anh	8.3	Ngữ văn	8.5	x	x	6.00	5.25	6.60	
7	H A 0439	Huỳnh Phương	Linh	15/08/2006	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Hóa học	9.5	Tiếng Anh	9.0	x	x	8.00	6.75	7.90	
8	L K 0440	Nguyễn Lê Phương	Linh	16/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật lý	9.6			x	x	7.75	5.25	6.20	
9	D V 0441	Nguyễn Thị Phương	Linh	31/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Địa lý	8.3	Ngữ văn	8.3	x	x	7.25	4.75	3.10	
10	S K 0442	Nguyễn Thị Phương	Linh	04/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Sinh học	9.1			x		6.50	6.50	4.20	
11	A T 0443	Nguyễn Thị Thảo	Linh	02/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Toán	7.6	x		4.75	5.25	2.20	
12	A K 0444	Phan Thị	Linh	19/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng - ĐắkĐoà	Tiếng Anh	8.4					4.25	3.00	3.70	
13	H K 0445	Ngô Phan Thùy	Linh	23/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	8.6			x		4.00	3.50	2.30	
14	B K 0446	Nguyễn Thị Thùy	Linh	28/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Lịch sử	8.5			x	x	6.50	2.75	2.80	
15	V K 0447	Cao Thị Trúc	Linh	27/08/2006	Nữ	Jarai	Đắk Lắk	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Ngữ văn	8.7			x	x	5.75	3.25	3.00	
16	B K 0448	Nguyễn Văn	Linh	14/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	9.6			x		7.50	6.00	4.20	
17	C K 0449	Nguyễn Văn	Linh	12/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tin học	7.8			x		6.50	6.25	4.10	
18	A V 0450	Phạm Vy	Linh	01/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.2	Ngữ văn	8.2	x	x	7.50	5.75	5.30	
19	H S 0451	Huỳnh Ngọc Châu	Long	02/11/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	7.5	Sinh học	7.7	x		5.50	5.75	3.50	
20	H T 0452	Đoàn Nguyễn Hải	Long	02/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	8.8	Toán	8.5	x	x	7.25	4.75	3.90	
21	H C 0453	Nguyễn Bá Hoàng	Long	10/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.2	Tin học	8.3	x		6.50	8.25	3.90	
22	B K 0454	Lê Hoàng	Long	27/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Lịch sử	8.6			x	x	6.00	5.50	3.00	
23	T C 0455	Lê Vũ Hoàng	Long	12/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Đắk Yă - Mang Yang	Toán	9.8	Tin học	8.8	x		7.25	10.00	3.80	
24	A K 0456	Huỳnh Kiều	Long	20/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.5			x	x	7.25	6.50	8.60	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: Phan Văn Loan

Người nhập điểm: Trần Thị Diệu Hương

Người soát điểm thứ nhất: Trần Thị Diệu Hương

Người soát điểm thứ hai: Trần Thị Diệu Hương

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vô Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 18

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	T C 0409	Nguyễn Xuân Lâm	07/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	9.7	x	x	7.75	9.50	8.00	KK Toán
2	D K 0410	Lê Thị Mỹ Lệ	11/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Địa lí	9.4			x		6.75	5.25	7.20	
3	A K 0411	Trần Nhật Lệ	29/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.0			x	x	7.50	6.75	6.70	
4	A K 0412	Lê Gia Bảo	12/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x		7.50	6.75	8.40	
5	T C 0413	Trần Thị Diệu Linh	21/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Toán	9.5	Tin học	9.1	x	x	7.25	9.00	3.80	
6	A K 0414	Trần Thị Diệu Linh	27/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ia Nhin - Chư Păh	Tiếng Anh	9.2					5.25	4.75	4.00	
7	A K 0415	Tô Đình Duy	09/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tiếng Anh	8.0			x	x	6.50	5.50	4.00	
8	V K 0416	Đinh Hoàng Gia	26/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.1			x	x	5.75	2.25	3.10	
9	T C 0417	Nguyễn Hoàng Linh	30/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Toán	8.3	Tin học	8.9	x		5.50	4.50	3.40	
10	B C 0418	Bùi Hương Linh	07/05/2006	Nữ	Mường	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	9.9	Tin học	8.8	x	x	7.50	5.50	5.10	
11	T H 0419	Nguyễn Thị Hương Linh	06/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Toán	9.0	Hóa học	8.6	x		6.50	8.00	1.60	
12	V K 0420	Bùi Khánh Linh	02/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Ngữ văn	8.9			x		7.00	2.50	3.20	
13	S K 0421	Đào Khánh Linh	13/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Sinh học	9.9			x	x	7.50	8.50	7.20	
14	A K 0422	Phan Đình Khánh Linh	14/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.7			x	x	8.00	6.00	7.70	
15	V K 0423	Nguyễn Lê Khánh Linh	17/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.7			x	x	8.25	7.75	4.60	
16	T C 0424	Hồ Ngọc Khánh Linh	02/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.1	Tin học	8.1	x	x	6.50	8.25	7.20	
17	A H 0425	Nguyễn Khánh Linh	14/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Hóa học	9.6	x	x	7.75	6.50	8.50	
18	H K 0426	Nguyễn Thị Khánh Linh	01/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Bình Khiêm - Krông Pa	Hóa học	9.6			x		5.50	6.50	3.80	KK Hóa học
19	A K 0427	Phạm Thị Khánh Linh	23/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	TT Phú Hòa - Chư Păh	Tiếng Anh	9.7				x	5.66	5.25	8.10	
20	L K 0428	Trần Thị Khánh Linh	27/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Vật lí	8.2				x	6.75	4.00	5.50	
21	T A 0429	Từ Thị Khánh Linh	26/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Toán	9.4	Tiếng Anh	9.4	x		8.50	9.00	7.80	
22	L C 0430	Hoàng Mai Linh	08/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	9.0	Tin học	8.9	x	x	5.75	6.50	5.60	
23	V C 0431	Nguyễn Lê Mai Linh	09/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.2	Tin học	8.0	x	x	8.00	6.75	2.60	
24	V S 0432	Nguyễn Thị Mai Linh	06/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	9.0	Sinh học	9.2	x		7.00	3.75	4.20	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

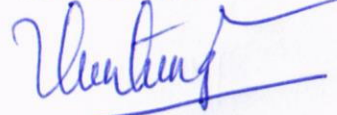
Người đọc điểm: Phan Văn Loan

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: Đỗ Văn Lê

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: Trần Thị Ngọc Lan



Người soát điểm thứ hai: Đỗ Văn Tuấn

Võ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 17

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	C T 0385	Nguyễn Long	Khôi	14/11/2006	Nam	Kinh	Bình Dương	Sao Việt - Pleiku	Tin học	9.0	Toán	8.6	x	6.00	6.50	3.70	
2	T C 0386	Đặng Minh	Khôi	22/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Chí Thanh - Chư Prông	Toán	9.8	Tin học		x	8.50	9.50	6.10	Không học tin
3	V K 0387	Phan Trần Bảo	Khuê	17/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Ngữ văn	9.3		x	x	7.41	4.75	4.30	
4	S V 0388	Phạm Nguyễn Minh	Khuê	03/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	9.2	Ngữ văn	8.4	x	7.50	4.75	5.90	
5	A V 0389	Huỳnh Thị Minh	Khuê	09/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	9.2	x	7.50	6.50	8.60	
6	D C 0390	Lê Trần	Khương	22/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Địa lí	8.3	Tin học	8.6	x	6.00	2.25	4.10	
7	T C 0391	Nguyễn Tài	Kiên	06/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.3	Tin học	8.8	x	7.00	7.50	5.30	Ba Toán
8	A V 0392	Lê Trung	Kiên	10/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.0	x	6.50	7.50	8.20	
9	H C 0393	Lê Đức Vũ	Kiên	01/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Hóa học	8.7	Tin học	8.5		6.50	5.25	3.90	
10	C K 0394	Đào Anh	Kiệt	18/10/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Trần Phú - Pleiku	Tin học	7.0		x		4.50	4.75	3.70	
11	T C 0395	Hồ Anh	Kiệt	21/06/2006	Nam	Kinh	Kon Tum	Nguyễn Huệ - Pleiku	Toán	9.3	Tin học	8.7	x	7.00	9.00	6.30	
12	H K 0396	Huỳnh Gia	Kiệt	14/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.4		x	x	6.75	4.40	4.00	
13	A T 0397	Trần Quốc Gia	Kiệt	17/07/2006	Nam	Kinh	Kon Tum	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Toán	9.2	x	7.25	7.25	5.70	
14	A K 0398	Phan Tấn	Kiệt	22/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.8		x		7.75	4.75	5.20	
15	H K 0399	Lê Gia Tuấn	Kiệt	13/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Hóa học	9.3		x		5.75	4.25	3.90	
16	H K 0400	Phạm Tuấn	Kiệt	12/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Bình Khiêm - Krông Pa	Hóa học	8.9		x		6.00	3.00	2.50	
17	H A 0401	Phan Huỳnh Xuân	King	21/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	9.7	Tiếng Anh	9.3	x	6.75	6.00	7.00	
18	A K 0402	Đỗ Tú	Lam	25/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương - Ia Grai	Tiếng Anh	9.9		x	x	6.00	5.00	8.90	
19	V A 0403	Lê Hoàng	Lan	10/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.4	Tiếng Anh	8.7	x	8.25	2.25	3.50	
20	A K 0404	Ê Ban Nguyễn Mai	Lan	28/03/2006	Nữ	Jarai	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.8		x	x	8.25	5.75	4.40	
21	H T 0405	Võ Mai	Lan	18/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Chư Prông	Hóa học	9.8	Toán	9.7	x	8.25	6.75	6.10	Ba Hóa học
22	B K 0406	Nguyễn Thị Xuân	Lan	05/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Lịch sử	9.5		x	x	7.50	3.75	3.00	
23	T C 0407	Trần Quý	Lâm	31/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	9.1	x	6.50	8.50	4.90	
24	H K 0408	Trần Nguyễn Sỹ	Lâm	08/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám - Pleiku	Hóa học	9.7		x		6.25	6.75	5.70	KK Hóa học

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

Người nhập điểm: *Đỗ Văn Hải*

Người soát điểm thứ nhất: *Trần Thị Ngọc Quyên*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Thị Bích Tuyết*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 16

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	L V 0361	Đặng Mai	Khanh	19/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - IaGrai	Vật lí	9.4	Ngữ văn	9.3	x		8.25	6.50	3.60	
2	A T 0362	Nguyễn Tấn	Khanh	28/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Toán	9.7	x	x	7.50	8.25	7.10	
3	B A 0363	Phạm Tấn	Khanh	11/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	9.5	Tiếng Anh	9.1	x	x	7.00	6.25	7.80	Nhi Lịch sử
4	A B 0364	Phan Thế	Khanh	03/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.3	Lịch sử	9.6	x		7.25	6.50	3.40	
5	A V 0365	Nguyễn Tuấn	Khanh	09/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung - Kông Chro	Tiếng Anh	8.3	Ngữ văn	7.3		x	6.00	2.75	6.10	
6	C T 0366	Phan Đức	Khải	17/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tin học	8.7	Toán	8.8	x	x	5.75	5.25	3.70	
7	L C 0367	Võ Quang	Khải	01/08/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Vật lí	8.8	Tin học	8.7		x	6.25	5.75	7.20	
8	A K 0368	Nguyễn Lê Kim	Khánh	06/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x	x	7.25	7.00	7.10	
9	A K 0369	Đinh Thị Kim	Khánh	17/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Trãi - Chư Pưh	Tiếng Anh	9.4			x	x	7.00	5.25	8.10	KK Tiếng Anh
10	A K 0370	Nguyễn Thị Kim	Khánh	22/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	8.5			x		7.25	5.00	5.00	
11	H A 0371	Đinh Nam	Khánh	02/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.4	Tiếng Anh	9.6	x	x	7.50	7.50	8.80	
12	S K 0372	Nguyễn Hoàng Nam	Khánh	05/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Sinh học	9.3			x	x	7.25	6.75	3.90	
13	A T 0373	Nguyễn Nam	Khánh	28/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	7.9	Toán	8.9	x	x	6.25	7.00	6.10	
14	H K 0374	Phan Huỳnh Ngọc	Khánh	19/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Hóa học	9.5			x	x	8.25	7.00	7.50	
15	L C 0375	Nguyễn Ngọc	Khánh	02/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Vật lí	8.5	Tin học	8.2	x		7.75	6.50	2.90	
16	B A 0376	Nguyễn Quốc	Khánh	10/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Lịch sử	7.2	Tiếng Anh	7.4	x		2.75	0.50	2.90	
17	A K 0377	Trương Như	Khiêm	01/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	x	7.50	9.50	9.20	
18	A K 0378	Mai Đăng	Khoa	28/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	8.1			x		7.00	6.00	6.10	
19	L C 0379	Phạm Đăng	Khoa	14/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Vật lí	9.4	Tin học	9.6	x	x	6.50	6.25	3.40	
20	T C 0380	Đỗ Trương	Khoa	10/01/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Trần Phú - Pleiku	Toán	9.4	Tin học	8.9	x		6.75	7.75	3.40	
21	B A 0381	Nguyễn Văn	Khoa	28/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - IaGrai	Lịch sử	9.7	Tiếng Anh	9.2			6.50	4.50	3.00	Ba Lịch sử
22	T C 0382	Dương Anh	Khôi	27/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.1	Tin học	8.9	x		7.00	5.75	3.40	
23	A T 0383	Mai Anh	Khôi	14/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Toán	8.5	x	x	4.50	4.83	8.50	
24	H K 0384	Nguyễn Đình	Khôi	08/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Quốc Tuấn - Đak Pơ	Hóa học	9.5			x	x	6.25	8.75	6.30	KK Hóa học

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: MC Phan Văn Loan

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

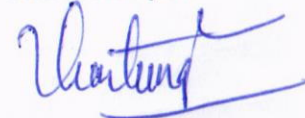
KT. GIÁM ĐỐC

Người nhập điểm: MC Trần Lê Đăng Khải

PHÓ CHỦ TỊCH

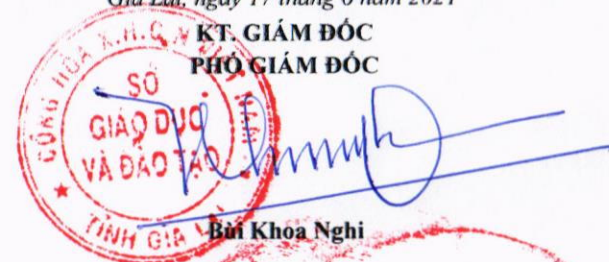
PHÓ GIÁM ĐỐC

Người soát điểm thứ nhất: MC Nguyễn Quốc Tuấn



Võ Tiến Tùng

Người soát điểm thứ hai: MC Đỗ Bạch Tuyết



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 15

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	H C 0337	Nguyễn Ngọc Tấn Hưng	13/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	8.1	Tin học	8.1	x		7.00	7.00	2.90	
2	T H 0338	Lê Tri Hưng	29/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Thị trấn Phú Hòa - Chư Păh	Toán	9.9	Hóa học	9.0	x	x	7.25	9.00	4.60	
3	T L 0339	Nguyễn Lê Việt Hưng	06/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.9	Vật lí	9.5	x	x	6.50	9.75	8.00	Nhi Toán
4	L C 0340	Lê Trần Vinh Hưng	06/09/2006	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	Trần Hưng Đạo - IaGrai	Vật lí	9.8	Tin học	9.5	x		3.25	5.50	3.80	KK Vật lí
5	T K 0341	Trần Xuân Hưng	08/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - AyunPa	Toán	9.5				x	5.50	5.75	0.40	
6	S K 0342	Lê Ngọc Diễm Hương	30/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Sinh học	9.9			x		7.50	6.50	6.30	
7	A V 0343	Bùi Thị Mai Hương	29/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Tiếng Anh	8.5	Ngữ văn	8.6	x		7.75	4.50	3.80	
8	H C 0344	Hồ Quỳnh Hương	16/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Hóa học	8.9	Tin học	9.0	x	x	7.50	6.25	5.60	
9	A T 0345	Nguyễn Quỳnh Hương	11/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Toán	8.9	x	x	7.50	7.25	9.20	Ba Tiếng Anh
10	A V 0346	Trần Sông Hương	20/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu - Ia Grai	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	7.6	x		7.75	7.00	7.90	
11	V K 0347	Lê Thị Hương	12/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Ngữ văn	8.0			x		7.50	6.50	3.60	
12	S T 0348	Đỗ Trâm Hương	28/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Sinh học	8.2	Toán	8.4	x		7.50	3.00	3.50	
13	V K 0349	Nguyễn Ngô Bích Hữu	30/09/2006	Nữ	Kinh	TP Hồ Chí Minh	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.4			x		6.50	4.25	4.30	
14	L K 0350	Văn Gia Hy	19/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	9.2			x		6.75	5.25	3.70	
15	A V 0351	Cái Hoàng Khang	29/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	7.9	x		8.50	6.00	9.20	
16	L T 0352	Đình Lê Hoàng Khang	07/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Đề Thám - An Khê	Vật lí	9.5	Toán	8.6	x		7.00	6.50	5.20	
17	C K 0353	Nguyễn Hoàng Khang	01/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tin học	9.0			x	x	3.50	5.25	5.60	
18	T A 0354	Trần Nguyễn Minh Khang	17/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Toán	9.5	Tiếng Anh	9.3	x	x	7.00	10.00	8.20	
19	S V 0355	Lê Nguyễn Khang	07/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Sinh học	9.2	Ngữ văn	8.4	x	x	8.00	4.25	4.70	
20	H K 0356	Nguyễn Trần Nguyên Khang	23/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Hóa học	9.0			x	x	7.25	6.00	3.80	
21	T C 0357	Nguyễn Sỹ Khang	20/10/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.4	Tin học	7.8	x		7.00	8.50	4.30	
22	C K 0358	Nguyễn Tuấn Khang	22/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tin học	7.6			x		7.75	5.25	3.50	
23	T A 0359	Nguyễn Huỳnh Lê Khanh	05/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.7	Tiếng Anh	9.6	x	x	8.50	10.00	8.10	KK Toán
24	V K 0360	Nguyễn Lê Khanh	28/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.4			x	x	8.00	6.25	4.00	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: *Phan Văn Loan*

Người nhập điểm: *Đỗ Thị Bích Ngọc*

Người soát điểm thứ nhất: *Đỗ Thị Bích Ngọc*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Thị Bích Ngọc*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Khoa Nghi

Bùi Khoa Nghi